

UBND TỈNH BẮC GIANG
BAN DÂN TỘC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~353~~ /BDT-KH

Bắc Giang, ngày 20 tháng 9 năm 2019

V/v xin ý kiến tham gia vào dự thảo
kế hoạch triển khai xây dựng hệ thống
thông tin dữ liệu về công tác dân tộc
tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2019-2020

Kính gửi: - Các Sở: Tài Chính, Thông tin và Truyền thông;
Nội vụ; Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Kế hoạch và
Đầu tư; Giao thông vận tải; Công Thương; Tư
pháp.
- Ban Tổ chức Tỉnh Ủy; Cục thống kê tỉnh; Công
an tỉnh.

Căn cứ Công văn số 2492/UBNDKGVX ngày 27/7/2018 của Chủ tịch
UBND tỉnh về việc cho chủ trương đầu tư dự án “Xây dựng Hệ thống thông tin
dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Bắc Giang”;

Để triển khai thực hiện Dự án xây dựng Hệ thống thông tin dữ liệu về công
tác dân tộc tỉnh Bắc Giang, Ban Dân tộc đã xây dựng dự thảo Kế hoạch triển khai
xây dựng Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Bắc Giang.

(Có dự thảo Kế hoạch và phụ lục kèm theo).

Ban Dân tộc trân trọng đề nghị các sở, ngành nghiên cứu, tham gia góp ý
kiến vào nội dung dự thảo. Thời gian tham gia ý kiến bằng văn bản gửi về Ban
Dân tộc tỉnh trước ngày 30/9/2019 (Email: trangdtt_bdt@bacgiang.gov.vn), để
tổng hợp trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định. Sau thời gian trên Ban
Dân tộc không nhận được ý kiến tham gia xin được hiểu là nhất trí với nội dung
bản Dự thảo.

Ban Dân tộc xin trân thành cảm ơn./.

Nơi nhận: ✓

- Như trên;
- Lãnh đạo Ban;
- Các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, KH-TH

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Hồng Luân

Số: /KH-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 9 năm 2019

KẾ HOẠCH

Triển khai xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2019 - 2020

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/06/2006;

Nghị định số 64/2007/NĐCP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan quản lý nhà nước;

Nghị định 102/2009/NĐCP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng Công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Chỉ thị số 28/CTTTg ngày 10/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc;

Quyết định số 1819/QĐTTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 – 2020;

Nghị quyết số 36a/NQCP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Quyết định số 2378/QĐBTTT ngày 30/12/2015 của Bộ Thông tin và truyền thông công bố định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước;

Công văn 650/UBNDTTTT ngày 12/7/2017 và Công văn số 935/UBNDTTTT ngày 11/9/2017 của Ủy ban Dân tộc về việc hướng dẫn triển khai xây dựng Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc;

Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành Kế hoạch triển khai hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc giai đoạn 2019- 2020, như sau:

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Thu thập thông tin, số liệu phản ánh thực trạng tình hình: Dân số và chất lượng dân số, phân bố dân cư, tiếp cận cơ sở hạ tầng, tình hình sản xuất, thu nhập và chi tiêu, nghèo đói, bảo tồn và phát huy văn hoá truyền thống, phòng chống tệ nạn xã hội, tiếp cận các dịch vụ y tế, giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, tình hình tôn giáo, di cư tự do, khiếu kiện, an ninh nông thôn,... của dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

Tổng hợp các chỉ tiêu thống kê về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh, phục vụ công tác tham mưu xây dựng và hoạch định chính sách phát triển kinh tế xã hội cho vùng dân tộc thiểu số. Trên cơ sở kết quả đó sẽ hình thành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về dân tộc thiểu số để phục vụ hoạt động quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

Tạo cơ sở pháp lý để triển khai có hiệu quả Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 đã được phê duyệt tại Quyết định số 449/QĐTTg ngày 12/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020; Quyết định số 2356/QĐTTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020; từng bước hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật mang tính đồng bộ để áp dụng thống nhất trên phạm vi cả nước, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, cải thiện kinh tế xã hội các DTTS tỉnh Bắc Giang nói riêng và các DTTS trên toàn quốc nói chung.

2. Yêu cầu

Đảm bảo theo định hướng, hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc đối với hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc; Tính bảo mật, an toàn thông tin đối với hệ thống.

Đảm bảo cho công tác thống kê dữ liệu công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Bắc Giang nhằm triển khai Quyết định số 02/QĐTTg ngày 05/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án “Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế xã hội của 53 dân tộc thiểu số Việt Nam” cho các năm tiếp theo;

Hỗ trợ công tác thu thập và báo cáo về thông tin về công tác dân tộc. Dữ liệu các chỉ tiêu được chuẩn hóa, lưu trữ tập trung và cung cấp theo thời gian thực đáp ứng cung cấp số liệu đa chiều về thông tin KTXH các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh;

Đáp ứng việc kết nối tổng hợp thông tin từ hệ thống thu thập địa bàn tỉnh. Tích hợp và chia sẻ thông tin với Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về thực trạng kinh tế xã hội của 53 dân tộc thiểu số tại Ủy Ban Dân tộc;

Cung cấp một kênh thông tin đáp ứng việc trích xuất, cung cấp các dữ liệu về KTXH các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh trong phạm vi được phép công bố hỗ trợ người dân, doanh nghiệp và các tổ chức trên địa bàn tỉnh tham khảo thông tin;

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thống kê về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Bắc Giang:

1. Đào tạo, tập huấn thu thập, cập nhật phiếu điều tra, quản lý, sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu và các phần mềm để chuyển giao công nghệ và vận hành

của hệ thống cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh, gồm các nội dung như: Hướng dẫn cách cài đặt phần mềm, hướng dẫn sử dụng phần mềm, thực hành sử dụng phần mềm, khai thác dữ liệu của cơ sở dữ liệu;

2. Triển khai thu thập thông tin, số liệu phản ánh thực trạng tình hình kinh tế xã hội của đồng bào dân tộc thiểu số và số hóa dữ liệu thu thập, gồm các nội dung:

Hệ thống chỉ tiêu về các lĩnh vực: Tiếp cận cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế, lao động, việc làm, giáo dục – đào tạo, y tế, dân số, văn hóa, xã hội, môi trường, cán bộ, đảng viên, tôn giáo, tín ngưỡng, tệ nạn xã hội, an ninh nông thôn, thực hiện chính sách dân tộc.

Các chỉ tiêu khác theo nhu cầu tại từng thời điểm (nếu có).

IV. LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI

1. GIAI ĐOẠN 1: Xây dựng phần mềm thống kê về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, gồm các chức năng:

Cung cấp tối thiểu hệ thống chỉ tiêu điều tra, thu thập về phát triển KTXH của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh đảm bảo tính động, tính mở và khả năng nâng cấp của hệ thống sau này.

Điều tra, thu thập cho các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Số hóa phiếu thu thập, cập nhật vào phần mềm.

2. GIAI ĐOẠN 2: Xây dựng phần mềm thống kê về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, gồm các chức năng:

Tích hợp và chia sẻ thông tin với Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tại Ủy ban Dân tộc.

Cung cấp các tính năng, chức năng kỹ thuật đảm bảo hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tại tỉnh, là kênh thông tin đáp ứng việc trích xuất, cung cấp các dữ liệu về KTXH các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh; Cung cấp các công cụ có chức năng xử lý linh hoạt phục vụ tìm kiếm các thông tin, số liệu, báo cáo thống kê theo chỉ tiêu, theo bảng biểu, biểu mẫu.

Đào tạo, chuyển giao công nghệ: Hướng dẫn cách cài đặt phần mềm, hướng dẫn sử dụng phần mềm, thực hành sử dụng phần mềm, khai thác dữ liệu của phần mềm.

V. KINH PHÍ, DANH MỤC, NHIỆM VỤ DỰ ÁN

Tổng kinh phí thực hiện kế hoạch là: **1.915.162.223** đồng (*Một tỷ chín trăm mười năm triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi ba đồng./.*), Trong đó:

1. Chi phí thiết bị: 1.878.825.252 đồng (*Một tỷ, tám trăm bảy mươi tám triệu, tám trăm hai mươi năm nghìn, hai trăm năm mươi hai nghìn đồng*). Thực hiện giai đoạn 1: 434.234.564 đồng, giai đoạn 2: 1.444.590.688 đồng.

2. Chi phí tư vấn: 36.336.972 đồng (*Ba mươi sáu triệu, ba trăm ba mươi sáu nghìn, chín trăm bảy mươi hai đồng*), giai đoạn 1: 12.438.368 đồng; giai đoạn 2: 23.898.604 đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Dân tộc:

Là chủ đầu tư dự án, có trách nhiệm: chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng dự toán kinh phí từng năm, thông qua Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt triển khai thực hiện theo nội dung Kế hoạch này.

Phối hợp với các Sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan trong việc kiểm tra, giám sát quá trình điều tra, thu thập và cập nhật thông tin về dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh theo đúng hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc.

Theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban Dân tộc kết quả triển khai xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh theo định kỳ hằng năm.

2. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp Ban Dân tộc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí kinh phí hàng năm để thực hiện nhiệm vụ triển khai xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh và hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định hiện hành.

3. Sở Thông tin và Truyền thông: Chủ trì, phối hợp Ban Dân tộc tỉnh triển khai, vận hành, khai thác hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc của tỉnh đảm bảo kết nối liên thông được với cơ sở dữ liệu của cả nước do Ủy ban dân tộc quản lý đồng thời hỗ trợ tích hợp dữ liệu lên Cổng thông tin điện tử của Ban Dân tộc tỉnh.

4. Cục thống kê tỉnh: phối hợp điều tra, khảo sát, tổng hợp dữ liệu về dân tộc thiểu số.

5. Các Sở, ban ngành: Nội vụ; Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Kế hoạch và Đầu tư; Giao thông vận tải; Công Thương; Công an tỉnh; Tư pháp; Ban Tổ chức Tỉnh Ủy căn cứ nhiệm vụ được giao, phối hợp cung cấp dữ liệu về các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của các dân tộc thiểu số tỉnh Bắc Giang.

Trên đây là Kế hoạch triển khai xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2019-2020. Yêu cầu các cơ quan tổ chức thực hiện nghiêm túc ./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Các Sở, ban, ngành liên quan;
- Lưu: VT, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN

Dự án: Xây dựng Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Bắc Giang
 (Theo Bảng 2.1 Thông tư 06/2011/TTBTTTT ngày 28/02/2011 của Bộ Thông tin và truyền thông)
 Quy định về lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng CNTT
 (Kèm theo Kế hoạch số /KHUBND ngày tháng 8 năm 2019 của UBND tỉnh Bắc Giang)

STT	Danh mục chi phí	Chi phí trước thuế	Thuế VAT	Chi phí sau thuế	Giai đoạn 1	Giai đoạn 2	Ghi chú
					(Năm 2019)	(Năm 2020)	
I	Chi phí thiết bị (Gtb)	1.874.805.383	4.019.869	1.878.825.252	434.234.564	1.444.590.688	
1	Hạng mục hạ tầng kỹ thuật	0	0	0	0	0	
2	Hạng mục phần mềm nội bộ, cơ sở dữ liệu	1.874.805.383	4.019.869	1.878.825.252	434.234.564	1.444.590.688	
2.1	Hạng mục số hóa, tạo lập CSDL	40.198.687	4.019.869	44.218.556	0	44.218.556	Đầu tư giai đoạn 1
2.2	Hạng mục phần mềm nội bộ	1.817.478.696	0	1.817.478.696	425.987.564	1.391.491.132	Đầu tư giai đoạn 2
2.3	Đào tạo, chuyển giao công nghệ	17.128.000	0	17.128.000	8.247.000	8.881.000	Đầu tư giai đoạn 2
II	Chi phí quản lý dự án (Gqlđ)	0	0	0	0	0	Bảng 1, QĐ 2378
	Chi phí quản lý dự án GD1	0	0	0	0		Đầu tư giai đoạn 1
	Chi phí quản lý dự án GD2	0	0	0		0	Đầu tư giai đoạn 2
III	Chi phí tư vấn (Gtv)	33.033.610	3.303.361	36.336.971	12.438.368	23.898.604	
3.1	Chi phí Lập đề cương và dự toán chi tiết	18.199.299	1.819.930	20.019.228	4.738.368	15.280.861	Bảng 2, QĐ 2378
	Chi phí Lập đề cương và dự toán chi tiết GD1	4.307.607	430.761	4.738.368	4.738.368		Đầu tư giai đoạn 1

STT	Danh mục chi phí	Chi phí trước thuế	Thuế VAT	Chi phí sau thuế	Giai đoạn 1	Giai đoạn 2	Ghi chú
					(Năm 2019)	(Năm 2020)	
	Chi phí Lập đề cương và dự toán chi tiết GD2	13.891.692	1.389.169	15.280.861		15.280.861	Đầu tư giai đoạn 2
3.2	Chi phí lập HSMT/HSYC, đánh giá HSDT/HSDX	10.834.312	1.083.431	11.917.743	5.500.000	6.417.743	Bảng 8, QĐ 2378
	Chi phí lập HSMT/HSYC, đánh giá HSDT/HSDX GD1	5.000.000	500.000	5.500.000	5.500.000		Đầu tư giai đoạn 1
	Chi phí lập HSMT/HSYC, đánh giá HSDT/HSDX GD2	5.834.312	583.431	6.417.743		6.417.743	Đầu tư giai đoạn 2
3.3	Chi phí thẩm định HSYC/HSMT	2.000.000	200.000	2.200.000	1.100.000	1.100.000	Điều 9, Nghị định 63/2014
	Chi phí thẩm định HSYC/HSMT GD1	1.000.000	100.000	1.100.000	1.100.000		Đầu tư giai đoạn 1
	Chi phí thẩm định HSYC/HSMT GD2	1.000.000	100.000	1.100.000		1.100.000	Đầu tư giai đoạn 2
3.4	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	2.000.000	200.000	2.200.000	1.100.000	1.100.000	Điều 9, Nghị định 63/2014
	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu GD1	1.000.000	100.000	1.100.000	1.100.000		Đầu tư giai đoạn 1
	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu GD2	1.000.000	100.000	1.100.000		1.100.000	Đầu tư giai đoạn 2
3.5	Giám sát thi công	0	0	0	0	0	Bảng 9, QĐ 2378
	Giám sát thi công GD1	0	0	0	0		Đầu tư giai

STT	Danh mục chi phí	Chi phí trước thuế	Thuế VAT	Chi phí sau thuế	Giai đoạn 1	Giai đoạn 2	Chi chú
					(Năm 2019)	(Năm 2020)	
							đoạn 1
	Giám sát thi công GĐ2	0	0	0		0	Đầu tư giai đoạn 2
IV	Chi phí khác (Gk)	0	0	0			
V	Chi phí dự phòng (Gdp)						
Tổng mức đầu tư		1.901.838.992	328.230	1.915.164.222	1.316.672.937	1.416.838.992	